Bảng so sánh Máy kiểm tra độ bền vải điện tử / Comparison Table of Electronic Fabric Strength Testing Machines

YG(B)026HC-250 vs. YG(B)026SH-250

Tiêu chí / Criteria	**YG(B)026HC-250**	**YG(B)026SH-250**
Hình ảnh / Image		
Link Web	https://vietnamthinktester.com/ygb026hc-may-kiem-tra-do-ben-vai-dien-tu-electronic-fabric-strength-machine-ybg026hc250500	https://vietnamthinktester.com/ygb026sh-may-kiem-tra-do-ben-vai-dien-tu-electronic-fabric-strength-testing-machine
Tiêu Chuẩn Liên Quan/ Related Standards	**GB/T3923.1/2, FZ/T70006, FZ/T70007, ISO4606, GB/T13772.1/2/3, FZ/T20019, FZ/T01030, ISO9073.3/4, GB8687, FZ/T01085, ISO13934.1/2, ISO13935.1/2, ASTM D5034, ASTM D5035, ASTM D2261, ASTM D4964, ASTM D5587, ASTM D3936, ASTM D1683 (replacing 434), JIS L1096,…** => Do ảnh hưởng hành trình và độ ổn định thiết kế máy 2 trụ có nhiều tiêu chuẩn hơn so với 1 trụ./ Due to its longer travel and more stable structural design, the two-column model supports a wider range of test standards than the single-column model.	Ví dụ về các tiêu chuẩn thử nghiệm vải cho máy thử vật liệu/ *Standard example of material testing machine used in textile testing*: **GB/T3923.1/2, FZ/T70006, FZ/T70007, FZ/T01085, GB/T13772.1/2/3, FZ/T20019, FZ/T01030, ISO, ASTM, JIS, BS, DIN, v.v.**
Kết cấu khung / Frame Structure	2 cột / Two-column structure. Khung máy lớn, khoảng cách giữa hai trụ 400 mm. / Large frame with	1 cột / Single-column structure.

	a 400 mm distance between the two columns.	
Đặc điểm thiết kế / Design Features	Khung hai cột có độ cứng vững cao, kết cấu chắc chắn và ổn định hơn khi vận hành. Khi thử nghiệm các mẫu có lực kéo khoảng 1.000 N, máy vận hành mượt mà và ổn định hơn. / Đối vớ The two-column frame provides greater rigidity and structural stability. When testing specimens requiring tensile forces of approximately 1,000 N, the machine operates more smoothly and steadily. *Ghi chú: Đối với các loại vật liệu có độ dày trên 5 cm, máy kết cấu 2 trụ hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu thử nghiệm, trong khi máy kết cấu 1 trụ có thể không phù hợp. Nguyên nhân là do thiết kế bộ kẹp của máy 1 trụ nằm gần thân máy, khiến vật liệu dày dễ bị vướng trong quá trình thử nghiệm, ảnh hưởng đến thao tác và có thể làm sai lệch kết quả đo.* *Notes: For materials with a thickness exceeding 5 cm, the double-column machine can accommodate the specimen, whereas the single-column machine may not. This is because the gripping assembly of the single-column machine is positioned very close to the machine frame. Specimens thicker than 5 cm may interfere with the machine structure, potentially affecting the test results.*	Thiết kế gọn, tiết kiệm không gian, phù hợp với nhu cầu thử nghiệm thông thường. Khi thử nghiệm các mẫu yêu cầu lực kéo lớn, máy có thể không vận hành mượt mà và ổn định bằng thiết kế hai cột. / Compact, space-saving design suitable for routine testing requirements. When testing specimens requiring higher tensile forces, the machine may not operate as smoothly or as steadily as the two-column model..
Độ ổn định khi thử nghiệm / Testing Stability	Kết cấu hai cột giúp tăng độ cứng vững, hỗ trợ cơ cấu kéo vận hành ổn định hơn khi thử nghiệm các mẫu có lực kéo lớn. The two-column structure enhances	Phù hợp hơn với các phép thử thông thường nằm trong giới hạn hành trình và khả năng vận hành của máy. More suitable for routine tests within the machine’s travel and operating

	frame rigidity and helps maintain more stable tensile operation when testing specimens requiring higher forces.	capabilities.
Lợi thế đáng chú ý / Key Advantages	Phù hợp với thiết kế hành trình dài và nhu cầu thử nghiệm đa dạng. / Suitable for long-stroke testing and a wide range of testing requirements.	Phù hợp với nhu cầu thử nghiệm thông thường trong giới hạn thông số máy. / Suitable for routine testing within the machine's specified operating parameters.
Hành trình kéo / Tensile Stroke	800 mm. Sau khi trừ phần không gian chiếm dụng bởi bộ kẹp, hành trình kéo mẫu thực tế còn khoảng **600 mm. /** 800 mm. After accounting for the space occupied by the grips, the effective specimen extension travel is approximately **600 mm**.	600 mm. Sau khi trừ phần không gian chiếm dụng bởi bộ kẹp, hành trình kéo mẫu thực tế còn khoảng **400 mm**./ 600 mm. After accounting for the space occupied by the grips, the effective specimen extension travel is approximately **400 mm**.
Dải đo / Measuring Range	2500 N	
Độ chính xác đo lực / Force Measurement Accuracy	≤ ±0.2% Full Scale	
Tốc độ kéo / Tensile Speed	0.01–1,000 mm/min	
Độ phân giải giãn dài / Elongation Resolution	0.01 mm	
Tần suất lấy mẫu / Sampling Rate	2,000 times/s	
Nguồn điện / Power Supply	AC 220 V ±10%, 50 Hz, 750 W	
Kích thước máy / Machine Dimensions	750 × 450 × 1,550 mm	550 × 530 × 1,400 mm
Trọng lượng / Weight	150 kg	74 kg

Phạm vi ứng dụng / Application Scope	Vải và nhiều loại vật liệu khác như cao su, nhựa, da, kim loại, giấy, bao bì… / Textiles and various other materials, including rubber, plastics, leather, metals, paper, and packaging materials.	Tập trung vào các phép thử cơ học thông thường đối với vật liệu dệt / Primarily designed for routine mechanical testing of textile materials.